

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có nhu cầu mua sắm hàng hóa cho các xét nghiệm dịch vụ của Viện Pasteur TP. HCM, mời các đơn vị quan tâm tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Lê Cẩm Tú

- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư – Thiết bị y tế

- Số điện thoại: 0949486302

- Địa chỉ email: lecamtu031197@gmail.com - tulc@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17 giờ ngày 19/8/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày báo giá**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất Sodium thiosulfate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Dạng rắn hoặc bột tinh thể CTHH: Na2O3S2 CAS: 7772-98-7 Kim loại nặng ≤ 50 ppm Iron (Fe) ≤ 50 ppm Giá trị pH (5%): 6.0 - 9.5	500g/chai	Chai	1
2	Dung môi Cyclohexane	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương	1L/chai	Chai	1

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		CTHH: C6H12 CAS: 110-82-7 Cặn sau bay hơi: ≤ 10 ppm Hàm lượng nước: $< 0.02\%$ Tổng Phosphorus: < 0.02 ppm Tổng Silicon: < 0.02 ppm			
3	Dung môi Isooctane	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương CTHH: C8H18 CAS: 540-84-1 Khối lượng (g/mol): 114.23 Cặn sau khi bốc hơi: ≤ 20 ppm Hàm lượng nước: $\leq 0.02\%$ Hàm lượng: $\geq 99.5\%$	2.5L/chai	Chai	1
4	Hóa chất Potassium hydroxide (KOH)	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương CTHH: KOH CAS: 1310-58-3 Giá trị pH: 13.5 Tổng nitơ (N) ≤ 10 ppm Carbonate (CO3): $\leq 1.0\%$ Hàm lượng: $\geq 85.0\%$	1kg/chai	Chai	2
5	Hóa chất Bạc Nitrat	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương CTHH: NH4SCN CAS: 7761-88-8 CTHH: AgNO3 pH 5.4 - 6.4 Cu (Copper) ≤ 2 ppm Iron (Fe) ≤ 2 ppm	100g/chai	Chai	1
6	Hóa chất Kẽm sulfat ngâm 7 phân tử nước (ZnSO4.7H2O)	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói tối đa: 500g/chai CAS: 7446-20-0 CTHH: ZnSO4.7H2O Khối lượng: 287,54 g/mol pH (5 %; H2O, 25 °C): 4.4 - 6.0	500g/chai	Chai	1

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
7	Hóa chất Cobalt chloride hexahydrate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Dạng rắn hoặc bột tinh thể màu tím CAS: 7791-13-1 CTHH: $\text{Cl}_2\text{Co}.6\text{H}_2\text{O}$ Chất không hòa tan $\leq 0,010\%$ Hàm lượng: 98 - 102%	100g/chai	Chai	1
8	EDTA Mg	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Hàm lượng: 96.0 - 104.0 % pH: 6.0 - 8.0 (5 % trong H_2O) Hao hụt do sấy khô từ 6,5% đến 10,5%	500g/chai	Chai	1
9	Chỉ thị Eriochrome Black T	Dùng làm chất chỉ thị CAS: 1787-61-7 CTHH: $\text{C}_{20}\text{H}_{12}\text{N}_3\text{NaO}_7\text{S}$ Dạng bột, có màu nâu hoặc đen	25g/chai	Chai	1
10	Chỉ thị Bromocresol green	Dùng làm chất chỉ thị CAS: 76-60-8 CTHH: $\text{C}_{21}\text{H}_{14}\text{Br}_4\text{O}_5\text{S}$ Dạng bột Khoảng chuyển màu quan sát được: từ pH 3,8 (vàng) đến pH 5,4 (xanh lam)	25g/chai	Chai	1
11	Chỉ thị Bromothymol blue	CAS: 76-59-5 CTHH: $\text{C}_{27}\text{H}_{28}\text{Br}_2\text{O}_5\text{S}$ Khoảng chuyển màu quan sát được: từ pH 6.0 (vàng) đến pH 7.6 (xanh)	25g/chai	Chai	1
12	Chỉ thị Methylen Blue	CTHH: $\text{C}_{16}\text{H}_{24}\text{ClN}_3\text{O}_3\text{S}$ CAS: 7220-79-3 UV Lambda tối đa: 663 đến 667nm	100g/chai	Chai	1
13	Dung dịch Ammonium hydroxide	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Nồng độ: 23 - 27% Carbonate (CO_3) $\leq 0.01\%$ Tổng chloride (Cl) $\leq 0.001\%$	2.5L/chai	Chai	1
14	Hóa chất Axit Boric	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương CTHH: H_3BO_3	500g/chai	Chai	1

STT	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		CAS: 10043-35-3 pH: 3.8 - 5.1 Hàm lượng: 97.5 - 100.5 % Sulfate (SO ₄) (%): ≤ 0.01%			
15	Hóa chất Calcium hydroxide Ca(OH) ₂	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương CTHH: Ca(OH) ₂ CAS: 1305-62-0 Kim loại nặng: ≤ 40ppm Chất không hoà tan: ≤ 0.2%	500g/chai	Chai	1
16	Hóa chất Natri dicloisoxyanurat 2 phân tử nước (C ₃ N ₃ O ₃ Cl ₂ Na.2H ₂ O)	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH:C ₃ Cl ₂ N ₃ NaO ₃ · 2H ₂ O - PH: 5-7 - Điểm nóng chảy/Điểm đông đặc : 240 - 250°C	500G/chai	Chai	1
17	Hóa chất Kali antimonyl tartrate K(SbO)C ₄ H ₄ O ₆ .1/2H ₂ O	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH:C ₈ H ₄ K ₂ O ₁₂ Sb ₂ .3H ₂ O - Hàm lượng : ≥ 98.5% - Arsenic (As): ≤ 0.015%	250g/chai	Chai	1
18	Hóa chất Amonium molybdate (NH ₄) ₆ Mo ₇ O ₂₄ .4H ₂ O	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH:(NH ₄) ₆ Mo ₇ O ₂₄ .4H ₂ O -Hàm lượng: ≥ 98.50 % -Sulfate (SO ₄) : ≤ 0.01 % -Fe (Iron): ≤ 0.002 %	500g/chai	Chai	1
19	Hóa chất Potassium Dihydrogen Phosphat (KH ₂ PO ₄)	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH:KH ₂ PO ₄ - Hàm lượng : ≥ 99.5% - PH: 4.3-4.4 -Sulfate (SO ₄) : ≤ 0.003 % -Chloride (Cl) : ≤ 0.0005 %	1kg/chai	Chai	1
20	Hóa chất Potassium Persulphate (K ₂ S ₂ O ₈)	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH: K ₂ S ₂ O ₈ - Hàm lượng: ≥ 98%	500g/chai	Chai	1

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		-Chloride (Cl): $\leq 0.005 \%$ -Mn (Manganese): $\leq 0.0005 \%$			
21	Hóa chất Sodium cacbonat (Na_2CO_3)	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH: Na_2CO_3 - Hàm lượng: $\geq 99.5 \%$ - Chloride (Cl): $\leq 0.15 \%$ - K (Potassium): $\leq 0.06 \%$ - Fe (Iron) : $\leq 0.004 \%$	1kg/chai	Chai	1
22	Hóa chất Acid oxalic ($\text{H}_2\text{C}_2\text{O}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$)	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH: $\text{C}_2 \text{H}_2 \text{O}_4 \cdot 2 \text{H}_2 \text{O}$ -Hàm lượng: $\geq 99 \%$ -Ca (Calcium): $\leq 50 \text{ ppm}$ -Iron (Fe): $\leq 10 \text{ ppm}$ - Lead (Pb): $\leq 10 \text{ ppm}$	1KG/chai	Chai	1
23	Hóa chất Natri metasilicate nonahydrate ($\text{Na}_2\text{SiO}_3 \cdot 9\text{H}_2\text{O}$)	-Hóa chất tinh khiết đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương. - CTHH: $\text{Na}_2\text{O}_3\text{Si} \cdot 9\text{H}_2\text{O}$ -Chuẩn độ với HCl: $\geq 98 \%$ -Dạng bột, không màu	250G/chai	Chai	1
24	Hóa chất Natri borat dodecahydrate ($\text{Na}_2\text{B}_4\text{O}_7 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$)	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương. - CTHH: $\text{Na}_2 \text{B}_4 \text{O}_7 \cdot 10 \text{H}_2 \text{O}$ -Hàm lượng: $99.5 - 103.0 \%$ - PH: 9-9.5 -Chloride (Cl): $\leq 0.0007 \%$ -Chất không hòa tan $\leq 0,005 \%$	500g/chai	Chai	1
25	Hóa chất Axit sulfamic	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương. - CTHH: $\text{H}_2 \text{NSO}_3 \text{H}$ - Hàm lượng: $\geq 99.0 \%$ - Dạng bột tinh thể màu trắng	500g/chai	Chai	1
26	Chỉ thị Starch (Hồ tinh bột)	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương -CTHH: $(\text{C}_6 \text{H}_{10} \text{O}_5)_n$ -Dạng bột màu trắng -PH: 5-7	500g/chai	Chai	1

STT	Nội dung câu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
27	Xenlulo (C ₆ H ₁₀ O ₅) _n	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương -CTHH: (C ₆ H ₁₀ O ₅) _n -Chất rắn, màu trắng -pH : 5 - 7.5	500g/chai	Chai	1
28	Hóa chất Na ₂ EDTA (C ₁₀ H ₁₄ N ₂ O ₂ Na ₂ .2H ₂ O)	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương -CTHH: C ₁₀ H ₁₄ N ₂ O ₈ *2Na*2H ₂ O - Hàm lượng: ≥ 99.0 % -Chloride (Cl): ≤ 0.005 % -Magnesium (Mg) :≤ 10ppm -pH : 4 - 5	500g/chai	Chai	1
29	Thiocetamid	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương -CTHH: CH ₃ CSNH ₂ - Hàm lượng: ≥ 99 % -Heavy metals (as Pb) : ≤ 0.001 % -Điểm nóng chảy: 112 - 114 °C	25g/chai	Chai	1
30	Glycerol	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương -CTHH: C ₃ H ₈ O ₃ -Hàm lượng: ≥ 99 % -Nước: ≤ 0.5 % -Este của axit béo: ≤ 0.08 % -Chloride (Cl) : ≤ 0.001 %	1L/chai	Chai	1
31	Hóa chất Potassium Chloride KCl	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương -CTHH: KCl -Hàm lượng: ≥ 99 % -PH: 5-8 -Sulfate (SO ₄) : ≤ 0.005 % -Ca (Calcium): ≤ 0.005 % -Fe (Iron) : ≤ 0.001 % -Mg (Magnesium) : ≤ 0.005 %	1KG/chai	Chai	1
32	Hóa chất Diphenylamin	-Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích hoặc tương đương -CTHH: C ₁₂ H ₁₁ N -Hàm lượng: ≥ 99.0% -Điểm nóng chảy: 52-55 °C	250G/chai	Chai	1

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Kho Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – 167 Pasteur, P. Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 24 – 48 giờ đối với hàng có sẵn, 04 – 08 tuần đối với hàng không có sẵn.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn tài chính. Hồ sơ thanh toán bao gồm: hóa đơn, biên bản giao hàng, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ của hàng hóa (nếu có). Trường hợp Viện nhận thiếu các hồ sơ nêu trên thì thời gian thanh toán được tính từ khi nhà cung cấp bổ sung đầy đủ các chứng từ cho Viện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục

Mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	...											
2												
n	...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.